UBND TỈNH AN GIANG
**SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 407 /BC-STC

*An Giang, ngày 09 tháng 10 năm 2025*

# BÁO CÁO
## Tình hình giá cả thị trường tháng 9 và công tác quản lý nhà nước về giá 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

Sở Tài chính báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 9 và công tác quản lý nhà nước về giá 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

**I. Tổng quan về tình hình giá cả thị trường tháng 9/2025 và công tác quản lý nhà nước về giá 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

**1. Mặt bằng giá thị trường và diễn biến mặt bằng thị trường hàng hóa, dịch vụ:** Theo Báo cáo số 62/BC-TKT ngày 02/10/2025 của Thống kê tỉnh An Giang về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025.

Tình hình kinh tế 9 tháng đầu năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gay gắt; xung đột quân sự gia tăng tại một số quốc gia, khu vực, đặc biệt là các phán quyết liên quan đến chính sách thuế của Tổng thống Trump khiến quá trình đàm phán của các nước với Mỹ càng khó khăn, phức tạp hơn; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu… đã làm gia tăng rủi ro đối với chuỗi cung ứng hàng hóa, thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường vàng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Trong tỉnh, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng tập trung phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; cải thiện môi trường kinh doanh, tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực công nghiệp, phát triển thủy sản nuôi biển tương xứng với tiềm năng. Công tác giải ngân vốn đầu tư công, được xác định là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt. UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, phân công rõ trách nhiệm cho từng chủ đầu tư, theo dõi, kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải ngân của từng dự án. Từ đó, kinh tế của tỉnh, 9 tháng năm nay vẫn ổn

định và đạt mức tăng trưởng khá, cả 3 khu vực (công nghiệp, nông nghiệp và thương mại dịch vụ đều đạt mức tăng trưởng ổn định).

**2. Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang:**

Theo Báo cáo số 62/BC-TKT ngày 02/10/2025 của Thống kê tỉnh An Giang về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2025.

Trong tháng 9/2025, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh An Giang tăng 3,35% so với tháng trước, do tăng giá dịch vụ giáo dục, xăng, dầu, vật liệu xây dựng. So với tháng 12/2024, CPI tháng 9/2025 tăng 1,94% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,71%. CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh tăng 2,62% so với cùng kỳ năm 2024

*- So tháng trước, CPI tháng 9/2025 tăng 0,35%*

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 08 nhóm hàng tăng giá, 02 nhóm hàng giảm giá và 01 nhóm hàng giá ổn định; trong đó, nhóm giáo dục có mức tăng nhiều nhất, tăng 4,05% so với tháng trước, kế đến là nhóm giao thông tăng 0,68%, nhóm vật liệu xây dựng tăng 0,46%,… Chỉ số CPI giảm thuộc nhóm hàng ăn, uống và thuốc lá.

*- So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 9/2025 tăng 2,71%*

Cả 11 nhóm hàng đều tăng giá so với cùng kỳ. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 7,65%; tiếp theo là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,04%; nhóm giáo dục tăng 4,31%; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 2,39%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,97%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,62%;...

*- Chỉ số giá tiêu dùng quý III/2025 tăng 2,61% so với cùng kỳ năm 2024.*

Một số yếu tố tác động tăng trong quý III như giá vật liệu xây dựng tăng 4,98%; giá điện sinh hoạt tăng 9,27%; giá các mặt hàng thực phẩm tăng 3,2%. Yếu tố kìm hãm đà tăng CPI torng quý III là giá các mặt hàng lương thực giảm 2,03%; giá máy điều hòa nhiệt độ giảm 0,32%; chỉ số giá nhóm giao thông giảm 2,11%.

*- Bình quân 9 tháng đầu năm 2025, CPI tăng 2,62% so bình quân cùng kỳ.*

Mức tăng CPI bình quân 9 tháng đầu năm chủ yếu do tác động tăng giá của các nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,62%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,1%; giáo dục tăng 4,95% và nhà ở, điện nước, vật liệu xây dựng tăng

4,43%. Yếu tố kìm hãm đà tăng CPI là sự giảm giá của nhóm giao thông giảm 3,65% do giá xăng dầu bình quân thấp hơn cùng kỳ.

***** *Chỉ số giá vàng*

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Chỉ số giá vàng tháng 9/2025 tăng 5,46% so với tháng trước, tăng 47,67% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng đầu năm tăng 43,70% so với bình quân cùng kỳ. Giá vàng bình quân trong tháng 9/2025 là 11.323.000 đồng/chỉ.

** Chỉ số giá đô la Mỹ*

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2025 tăng 0,31% so với tháng trước, tăng 6,26% so với cùng kỳ; bình quân 9 tháng đầu năm tăng 3,90% so với bình quân cùng kỳ. Giá USD bình quân trong tháng 9/2025 là 26.492 VND/USD.

Cụ thể chỉ số giá của các nhóm hàng chính trong tháng như sau:

| **Nhóm hàng** | **Chỉ số giá tháng báo cáo so với (%)** | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Cùng tháng năm trước** | **Tháng 12 năm trước** | **Tháng trước** | **Bình quân cùng kỳ** |
| *** Chỉ số giá tiêu dùng** | **102,71** | **101,94** | **100,35** | **102,62** |
| 1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống*, trong đó:* | 101,62 | 100,95 | 99,97 | 102,62 |
| - Lương thực | 96,79 | 95,87 | 99,19 | 98,79 |
| - Thực phẩm | 102,49 | 101,80 | 99,71 | 103,83 |
| - Ăn uống ngoài gia đình | 102,28 | 101,78 | 100,83 | 102,15 |
| 2. Đồ uống và thuốc lá | 101,81 | 101,12 | 99,99 | 101,69 |
| 3. May mặc, mũ nón, giày dép | 102,39 | 101,10 | 100,01 | 102,39 |
| 4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD | 105,04 | 103,41 | 100,46 | 104,43 |
| 5. Thiết bị và đồ dùng gia đình | 101,97 | 101,56 | 100,18 | 101,45 |
| 6. Thuốc và dịch vụ y tế | 107,65 | 107,57 | 100,02 | 107,10 |
| *Trong đó:* - Dịch vụ y tế | 108,90 | 108,90 | 100,00 | 108,39 |
| 7. Giao thông | 100,95 | 100,02 | 100,68 | 96,35 |
| 8. Bưu chính viễn thông | 100,15 | 100,04 | 100,00 | 100,16 |
| 9. Giáo dục | 104,31 | 104,21 | 104,05 | 104,95 |
| *Trong đó:* - Dịch vụ giáo dục | 104,56 | 104,56 | 104,49 | 105,79 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10. Văn hóa, giải trí và du lịch | 101,40 | 101,30 | 100,04 | 100,32 |
| 11. Hàng hóa và dịch vụ khác | 103,38 | 102,81 | 100,29 | 106,72 |
| *** Chỉ số vàng** | **147,67** | **137,33** | **105,46** | **143,70** |
| *** Chỉ số giá đô la Mỹ** | **106,26** | **103,91** | **100,31** | **103,90** |

**3. Thống kê mức giá hàng hóa, dịch vụ**:

- Thị trường hàng hoá trên địa bàn tỉnh An Giang tháng 9/2025 cơ bản ổn định, hàng hóa phục vụ nhu cầu tiêu dùng cũng như sản xuất khá dồi dào giá cả thị trường trong tháng trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu được đảm bảo, không xảy ra tình trạng sốt hàng hay tăng giá bất hợp lý làm bất ổn thị trường.

- Thống kê mức giá hàng hoá, dịch vụ theo Bảng giá thị trường tháng 9/2025 trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

**II. Diễn biến giá thị trường của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tháng 9 năm 2025:**

**1. Lương thực - thực phẩm**

- Theo báo cáo giá thị trường của các xã, phường, đặc khu và Báo cáo số 314/BC-SNNMT ngày 30/9/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường: Giá bình quân mặt hàng lương thực tháng 9/2025: giá bình quân lúa IR 50404 là 5.158 đồng/kg, giảm 324 đồng; giá bình quân lúa OM 18 là 6.245 đồng/kg, tăng 305 đồng/kg; giá bình quân lúa Đài Thơm 8 là 6.477 đồng/kg, giảm 267 đồng/kg; gạo tẻ là 16.631 đồng/kg, tăng 881 đồng/kg; gạo thường là 15.967 đồng/kg, giảm 533 đồng/kg; giá bình quân đường tinh luyện Biên Hòa là 31.141 đồng/kg tăng 141 đồng/kg; giá bình quân của đường cát Nusu là 27.518 đồng/kg giảm 982 đồng/kg.

- Theo báo cáo giá thị trường của các xã, phường, đặc khu: Giá bình quân mặt hàng thực phẩm tháng 9/2025: giá thịt lợn hơi 70.375 đồng/kg, tăng 2.144 đồng/kg; giá thịt lợn nạc thăn 135.188 đồng/kg, tăng 188 đồng/kg; giá thịt bò thăn 226.563 đồng/kg, tăng 1.146 đồng/kg; thịt bò bắp 219.719 đồng/kg, giảm 281 đồng/kg; gà ta 121.844 đồng/kg, tăng 5.152 đồng/kg; gà công nghiệp 68.781 đồng/kg, tăng 5.410 đồng/kg; bắp cải trắng 14.431 đồng/kg, tăng 1.185 đồng/kg; cải xanh 17.063 đồng/kg, tăng 317 đồng/kg; bí xanh 15.906 đồng/kg, tăng 406 đồng/kg; cà chua 27.500 đồng/kg, tăng 900 đồng/kg.

**2. Vật tư nông nghiệp**

Báo cáo số 314/BC-SNNMT ngày 30/9/2025 Sở Nông nghiệp và Môi trường: Giá bình quân của một số mặt hàng vật tư nông nghiệp so với tháng 08/2025, cụ thể: phân NPK Việt Nhật (16-6-8) tiếp tục ở mức 13.260 đồng/kg,

không thay đổi so với tháng 8/2025; phân đạm Urê Cà Mau: 12.700 đồng/kg, tăng 550 đồng/kg; phân DAP Cà Mau: 17.040 đồng/kg, không thay đổi so với tháng 8/2025.

Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản giá không đổi: thức ăn hỗn hợp dùng cho heo (từ 15 kg - 30 kg): 12.000 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dùng cho heo (từ 30 kg - 60 kg): 10.900 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dùng cho heo nái nuôi con: 10.910 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp cho heo nái khô, chửa, nọc, hậu bị: 10.660 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dùng cho heo từ (60 - 100 kg): 10.210 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa giai đoạn >500g/con: 10.200 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa giai đoạn 20 - 200g/con: 11.700 đồng/kg; thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá tra, basa giai đoạn 5 - 20g/con: 14.300 đồng/kg.

**3. Vật liệu xây dựng, chất đốt**

Theo Thông báo số 2319/TB-SXD ngày 16/9/2025 của Sở Xây dựng, giá bình quân của một số mặt hàng xi măng: xi măng PCB 30 (bao 50 kg) 45.370 đồng/bao, không thay đổi so với tháng 8/2025, xi măng PCB 40 (bao 50 kg) 57.407 đồng/bao, tăng 463 đồng/bao, xi măng PCB 50 (bao 50 kg) 64.815 đồng/bao, giảm 100 đồng/bao; Thép thanh vằn D10 SD 295: 16.400 đồng/kg, tăng 460 đồng/kg; thép cuộn D6 CB 240: 16.250 đồng/kg, tăng 442 đồng/kg; thép cuộn D8 CB 240: 16.200 đồng/kg, tăng 408 đồng/kg. Riêng các loại vật liệu xây dựng như: phôi thép các loại, thép góc các loại không khảo sát được giá do hiện nay các cửa hàng trên địa bàn tỉnh không kinh doanh các mặt hàng này.

Theo Báo cáo số 269/BC-SCT ngày 02/10/2025 của Sở Công Thương, giá bình quân chất đốt tháng 09/2025 giảm, khí dầu mỏ hóa lỏng; PETROVIETNAM loại 12 kg có giá 443.000 đồng/bình, giảm 18.000 đồng/bình; PETROVIETNAM loại 45 kg có giá 1.661.265 đồng/bình, giảm 67.500 đồng/bình.

**4. Dịch vụ y tế**

Theo Công văn số 670/SYT-KHTC ngày 01/8/2025 của Sở Y tế: giá khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (Khám bệnh theo yêu cầu cấp cơ sở) 65.000 đồng/lượt và dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (Dịch vụ khám bệnh cấp cơ sở) 70.000 đồng/lượt.

**5. Giao thông**

Theo báo cáo giá thị trường của các xã, phường, đặc khu, cụ thể: bình quân giá trông giữ xe máy 2.533 đồng/lượt; bình quân giá trông giữ xe ô tô 10.930 đồng/lượt; giá bình quân dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường

bộ 182.857 đồng/vé; dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi 13.536 đồng/km.

**6. Dịch vụ giáo dục**

Theo Công văn số 503/SGDĐT ngày 01/8/2025, cụ thể: Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục; Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục (đang thực hiện miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP); Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục là 300.000 đồng/tín chỉ.

**III. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

**1. Tình hình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giá**

Văn bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 02 Quyết định: Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 14/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 15/6/2025 quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang. Hiện nay, Sở Tài chính đang tham UBND tỉnh Quyết định ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang), dự kiến trình UBND tỉnh ban hành trong tháng 11/2025.

**2. Tình hình triển khai chương trình bình ổn thị trường và các biện pháp bình ổn giá:** Không phát sinh.

**3. Công tác định giá hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh**

Căn cứ Luật Giá 2023, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 14/2025/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; trong đó phân công các cơ quan, đơn vị rà soát tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá năm 2023. Đồng thời, ngày 26/3/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 424/UBND-KTĐT đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang, kết quả:

- Văn bản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong 9 tháng đầu năm 2025: 02 Quyết định (Quyết định số 314/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh mới trên địa bàn huyện Tri Tôn bằng công nghệ đốt công suất 50 tấn/ngày; Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 ban hành mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang).

- Văn bản đang tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: 01 Quyết định: Quyết định ban hành giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh An Giang (Sở Y tế).

- Các cơ quan, đơn vị đang tiếp tục rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Giá năm 2023; Nghị quyết số 202/2025/NQ15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025.

**4. Tình hình kê khai giá của các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng thực hiện kê khai giá**

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, trong tháng 09/2025, các Sở, ngành tiếp nhận  hồ sơ kê khai giá các mặt hàng xăng dầu, gas, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, gạo, thức ăn chăn nuôi, giống phục vụ sản xuất nông nghiệp, xi măng, đá, thép, khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG), dịch vụ lưu trú du lịch và cước vận tải, cụ thể: Sở Công Thương 141 hồ sơ (01 hồ sơ thép, 116 hồ sơ xăng dầu, 24 hồ sơ dầu khí hóa lỏng).

Luỹ kế tiếp nhận 9 tháng đầu năm 2025 là 1.108 hồ sơ kê khai, cụ thể: Sở Xây dựng 56 hồ sơ (54 hồ sơ cước vận tải, 01 hồ sơ xi măng, 01 hồ sơ đá); Sở Công Thương 953 hồ sơ (08 hồ sơ thép, 173 hồ sơ dầu khí hóa lỏng, 772 hồ sơ xăng dầu); Sở Nông nghiệp và Môi trường 64 hồ sơ (33 hồ sơ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; 04 hồ sơ thức ăn chăn nuôi, 05 hồ sơ giống phục vụ sản xuất nông nghiệp và 21 hồ sơ gạo); Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch 30 hồ sơ dịch vụ lưu trú du lịch; Sở Y tế 05 hồ sơ khám chữa bệnh.

**5. Công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về giá:** Không phát sinh.

**6. Các nội dung liên quan khác**

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 28 Luật Giá.

- Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 và thực hiện Công văn số 60/UBND-KTTH ngày 14/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong dịp Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang (Báo cáo số 112/BC-STC ngày 02/02/2025 của Sở Tài chính).

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 04 văn bản: (1)Công văn số 422/UBND-KTĐT ngày 26/3/2025 về việc tăng cường các biện pháp quản lý, điều hành giá năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; (2)Công văn số 424/UBND-KTĐT ngày 26/3/2025 về việc rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh An Giang; (3)Công văn số 1026/UBND-KTĐT ngày 27/6/2025 về việc thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 30/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấp hành quy định pháp luật về giá; (4)Công văn số 1046/UBND-KT ngày 28/9/2025 của UBND tỉnh An Giang về việc tăng cường các biện pháp quản lý điều hành giá những tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tham mưu UBND tỉnh có Văn bản số 599/VP-KT ngày 17/7/2025 gửi Bộ Tài chính cung cấp thông tin đơn vị đầu mối, thông tin cán bộ đầu mối tiếp nhận quản lý tài khoản truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Có văn bản gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện báo cáo giá cả thị trường và cung cấp thông tin cán bộ đầu mối để tiếp nhận quản lý tài khoản truy cập phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương (Công văn số 535/STC-GCS ngày 24/7/2025 của Sở Tài chính).

- Có văn bản gửi các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đăng ký nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ thẩm định giá nhà nước nhằm đáp ứng điều kiện chuyên môn cho thành viên tham gia Hội đồng thẩm định gái nhà nước theo quy định tại Điều 60 Luật Giá (Công văn số 1454/STC-GCS ngày 24/8/2025 của Sở Tài chính).

- Báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý nhà nước về giá tháng 01, 02, 04, 05, 07, 8/2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 03/2025 và công tác quản lý nhà nước về giá 03 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang và Báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 6/2025 và công tác quản lý nhà nước về giá 06 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

**IV. Dự báo giá thị trường**

**1.** Dự báo diễn biến mặt bằng giá thị trường và giá một số hàng hóa, dịch

vụ thiết yếu và đánh giá tác động dự kiến lên CPI: Dự kiến các mặt hàng trên thị trường như gạo, lúa, rau củ, quả thời gian tới có thể tăng, giảm nhẹ; giá cước các loại hình kinh doanh vận tải, dịch vụ lưu trú, giải trí; giá các mặt hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản dự kiến sẽ ổn định trong thời gian tới. Giá dịch vụ y tế, giáo dục, giải trí trên địa bàn tỉnh ít biến động.

**2.** Dự kiến phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (nếu có): Tiếp tục tổ chức rà soát các văn bản định giá để lập phương án giá điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo quy định của Luật Giá 2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**V. Giải pháp, biện pháp quản lý, điều tiết giá**

Theo dõi, cập nhật thông tin diễn biến giá cả thị trường trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các sở, ngành và địa phương chủ động trong công tác quản lý, kê khai, niêm yết và công khai thông tin về giá các mặt hàng theo chức năng nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp có biến động lớn về giá, căn cứ quy định tại Luật Giá, Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường tháng 09 và công tác quản lý nhà nước về giá 9 tháng đầu năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang./.

***Nơi nhận:***
- VP Bộ Tài chính (TP.HCM);
- Cục Quản lý Giá;
- VP Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở: Công Thương; Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Chi cục Thống kê;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, Trung tâm thuộc Sở;
- Cổng TTĐT Sở Tài chính;
- Lưu: VT, GCS.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH AN GIANG

**Lê Quốc Bình**